

PHẬT THUYẾT TU MA ĐỀ BỒ TÁT KINH

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 334

Hán dịch: Trúc Pháp Hộ

Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến

Hiệu đính: Thích Nữ Chơn Tịnh (02-2007)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

*Thích Nữ Chơn Tịnh hiệu đính
Vol 12 No. 334 [Nos. 310(30), 335, 336]*

佛說須摩提菩薩經 (按開元錄須摩提經亦直云須摩經)
Phật thuyết Bồ-tát Tu-ma-đề Kinh (án khai nguyên lục Tu-ma-đề Kinh
diệc trực vân tu ma Kinh)
Phật Thuyết Bồ-tát Tu-ma-đề Kinh (Y theo bản gốc Tu-ma-đề Kinh
cũng gọi tắt là Tu-ma Kinh).
西晉三藏竺法護譯
Tây Tấn Tam Tạng Trúc Pháp hộ dịch
Đời Tây Tấn, Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.

聞如是。一時佛在羅閱祇靈鳥頂山中。

văn như thị。nhất thời Phật tại la duyệt kì linh điều đỉnh sơn trung。
Nghe như vậy, một thuở đức Phật ở trên đỉnh núi Linh-thứu thuộc nước La-duyệt-
kỳ。

與大比丘眾千二百五十人。菩薩萬人俱。

dữ Đại bỉ khâu chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân。Bồ-tát vạn nhân câu。
cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo, hàng vạn Bồ-tát đến câu hội。

爾時羅閱城大國。有長者號曰郁迦。郁迦有女。

nhĩ thời la duyệt thành Đại quốc。hữu Trưởng-Giả hiệu viết úc ca。úc ca hữu nữ。
Bấy giờ trong nước La-duyệt-thành có trưởng giả tên là Úc-ca。Úc-ca có con gái
mã須摩提。厥年八歲。

danh Tu-ma-đề。quyết niên bát tuế。

tên là Tu-ma-đề mới tám tuổi。

歷世奉敬過去無數百千諸佛。積累功德不可稱計。時須摩提。

lịch thế phụng kính quá khứ vô số bách thiên chu Phật。tích luy công đức bất khả
xung kế。thời Tu-ma-đề。

Mà đã cung kính phụng sự vô số trăm ngàn chu Phật trong thời quá khứ, tích chứa
công đức không thể tính đến。Bấy giờ Tu-ma-đề

從羅閱祇大國出詣靈鳥山。行到佛所。

tòng la duyệt kì Đại quốc xuất nghệ linh điều sơn。hành đáo Phật sở。

từ thành La-duyệt-kỳ đi đến núi Linh-thứu rồi đến chỗ Phật,

前以頭面稽首佛足。禮畢却住一面。叉手白佛言。

tiền dĩ đầu diện kê thủ Phật túc。lễ tất khuớc trụ nhất diện。xoa thủ bạch Phật
ngôn。

đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên chấp tay bạch Phật rằng,
願欲有所問。唯佛以善權方便。解說我之所疑。

nguyện dục hữu sở vấn。duy Phật dĩ thiện quyền phương tiện。giải thuyết ngã chi
sở nghi。

Bạch Thế Tôn! Con có chỗ muốn hỏi, xin Phật dùng phương tiện khéo léo để giải
thích sự nghi ngờ cho con。

時佛默然。即知女意。佛語須摩提。恣所欲問。

thời Phật mặc nhiên。tức tri nữ ý。Phật ngữ Tu-ma-đề。tú sở dục vấn。

Đức Phật lặng yên thấu nhận ý người nữ rồi bảo Tu-ma-đề: Ý người muốn hỏi,

如來今當為汝具解說之。事事分別。

Như-Lai kim đương vi nhữ cụ giải thuyết chi。sự sự phân biệt。

nay Như-lai sẽ vì người mà giải thích đầy đủ, phân biệt mọi việc

令汝歡喜。須摩提問佛言。菩薩云何所生處。

lệnh nữ hoan hi. Tu-ma-đề vấn Phật ngôn. Bồ-tát vân hà sở sanh xử.
khiến người hoan hỷ. Tu-ma-đề bạch Phật rằng: Bồ-tát làm thế nào mà chỗ sanh ra
 人見之常歡喜。云何得大富有常多財寶。
 nhân kiến chi thường hoan hi. vân hà đắc Đại phú hữu thường đa tài bảo.
khiến người thấy đều hoan hỷ. Tại sao được giàu sang có nhiều của báu
 云何不為他人之所別離。云何不在母人腹中。
 vân hà bất vi tha nhân chi sở biệt ly. vân hà bất tại mẫu nhân phúc trung。
Tại sao không chịu cảnh biệt ly với người khác. Tại sao không sanh ra từ thai mẹ
 常得化生千葉蓮華中立法王前。
 thường đắc hóa sanh thiên diệp liên hoa trung lập Pháp Vương tiền。
mà thường hóa sanh trong hoa sen ngàn cánh ở trước đấng pháp vương.
 云何得神足從不可計億刹土。去到彼間禮諸佛。
 vân hà đắc Thần túc tòng bất khả kế ức sát độ. khứ đáo bi gian lễ chư Phật。
Làm sao được thần túc đi từ vô ức cõi không thể tính kể đến cõi nước chư Phật mà
đánh lễ.
 云何得無讎怨無侵嫉者。
 vân hà đắc vô thù oán vô xâm tật giả。
Làm sao để không có người thù oán ganh ghét.
 云何所說聞者信從踊躍受行。云何得無殃罪所作善行無能壞者。
 vân hà sở thuyết văn giả tín tòng dũng dục thọ hành. vân hà đắc vô ương tội sở
 tác thiện hành vô năng hoại giả。
làm sao mà nói ra được người vui vẻ tin theo mà thực hành. Làm sao để không có
người tạo các tội lỗi, làm việc lành không bị gián đoạn.
 云何魔不能得其便。
 vân hà ma bất năng đắc kỳ tiện。
Làm sao để ma không thể phá hoại.
 云何臨壽終時佛在前立。為說經法即令不墮苦痛之處。
 vân hà lâm thọ chung thời Phật tại tiền lập. vi thuyết Kinh Pháp tức lệnh bất
 đọa khổ thống chi xử。
Làm sao đến lúc mạng chung có chư Phật ở trước mặt thuyết kinh pháp khiến không
đọa lạc vào nơi thống khổ.
 所問如是。是時佛語須摩提。如汝所問如來義者。
 sở vấn như thị. thị thời Phật ngữ Tu-ma-đề. như nữ sở vấn Như-Lai nghĩa giả。
Hỏi như vậy xong. Bây giờ Phật bảo Tu-ma-đề: Như lời người hỏi ý nghĩa ở Như Lai
 善哉大快乃如是乎。
 Thiện tai Đại khoái nãi như thị hồ。
Lành thay, tốt thay, chính là như vậy.
 汝若欲聞諦聽受勤思念之。吾當解說。時女即言。甚善世尊。
 nữ nhược dục văn đề thính đề thọ tinh cần tu niệm chi. ngô đương giải
 thuyết. thời nữ tức ngôn. thậm thiện Thế tôn。
Nếu người muốn nghe thì hãy xét kỹ mà khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì người mà giải
thích. Tu-ma-đề thưa: Lành thay! Thế Tôn!
 願樂欲聞。於是須摩提受教而聽。
 nguyện lạc dục văn. ư thị Tu-ma-đề thọ giáo nhi thính。
Con xin muốn nghe. Rồi Tu-ma-đề lắng nghe lãnh thọ.
 佛言菩薩有四事法。人見之皆歡喜。何等為四。
 Phật ngôn Bồ-tát hữu tứ sự Pháp. nhân kiến chi giai hoan hi. hà đẳng vi tứ。
Phật dạy: Bồ-tát có bốn pháp khiến người nhìn thấy đều hoan hỷ. Thế nào là bốn?
 一者瞋恚不起。
 nhất giả sân khuê bất khởi。
Một là không khởi sân giận,
 視冤家如善知識二者常有慈心向於一切。三者常行求索無上要法。

thị oan gia như thiện tri thức nhị giả thường hữu từ tâm hướng u nhất thiết ° tam giả thường hành cầu tác vô thượng yếu Pháp °

xem kẻ oán như thiện tri thức. Hai là thường có tâm từ bi hướng đến tất cả. Ba là thường cần cầu pháp vô thượng.

四者作佛形像。是為四法。菩薩用是四事故。

tứ giả tác Phật hình tượng ° thị vi tứ Pháp ° Bồ-tát dụng thị tứ sự cố °

Bốn là tạo hình tượng Phật. Đó là bốn pháp. Bồ-tát do dùng bốn pháp này nên khiến người thấy đều hoan hỷ. Rồi Phật nói bài kệ rằng:

人見之常歡喜。

佛於是說偈言。

nhân kiến chi thường hoan hỷ °

Phật u thị thuyết kệ ngôn °

nên khiến người thấy đều hoan hỷ.

Rồi Phật nói bài kệ rằng:

不起恚毀本根

常行慈得要法

bất khởi khuê hủy bản căn

thường hành từ đặc yếu Pháp

Không khởi sân giận phá căn lành

Tâm luôn từ bi đặc pháp yếu

作佛象身好潔

心歡喜人喜見

tác Phật tượng thân hảo khiết

tâm hoan hỷ nhân hi kiến

Tạo hình tượng Phật tướng tốt đẹp

Tâm hoan hỷ khiến người hoan hỷ.

佛語須摩提。菩薩復有四事法。得大富有。

Phật ngữ Tu-ma-đề ° Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp ° đắc Đại phú hữu °

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp khiến được giàu sang

何等為四 ° 一者布施以時 ° 二者與已倍悅 °

hà đẳng vi tứ ° nhất giả bố thí dĩ thời ° nhị giả dĩ dĩ bội duyệt °

Thế nào là bốn? Một là luôn bố thí. Hai là cho rồi thì vui thêm

三者與後不復悔 ° 四者既與不求其報 ° 是為四法 °

tam giả dĩ hậu bất phục hối ° tứ giả ký dĩ bất cầu kỳ báo ° thị vi tứ Pháp °

Ba là sau khi cho không sanh hối hận. Bốn là đã cho thì không cầu quả báo. Đó là bốn pháp

菩薩用是四事故 °

得大富有常多財寶 °

Bồ-tát dụng thị tứ sự cố °

đắc Đại phú hữu thường đa tài bảo °

Do Bồ-tát dùng bốn pháp này

nên được giàu sang có nhiều của báu.

佛於是說偈言 °

Phật u thị thuyết kệ ngôn °

Rồi Phật nói bài kệ rằng:

以時施無悔心

喜悅與無希望

dĩ thời thí vô hối tâm

hỷ duyệt dĩ vô hy vọng

Luôn bố thí tâm không hối hận

Cho rồi vui vẻ không mong cầu

所作施有勇慧

所在處常大富

sở tác thí hữu dũng tuệ

sở tại xử thường Đại phú

Tinh tấn bố thí có trí huệ

Sanh ra nơi nào cũng giàu sang

佛語須摩提。菩薩復有四事法 °

Phật ngữ Tu-ma-đề ° Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp °

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát lại có bốn pháp

不為他人之所別離 ° 何等為四 ° 一者不傳惡說鬪亂彼此 °

bất vi tha nhân chi sở biệt ly ° hà đẳng vi tứ ° nhất giả bất truyện ác thuyết đầu loạn bi thù °

không có cảnh biệt ly với người khác. Thế nào là bốn? Một là, không nói lời xấu ác khiến hai bên tranh cãi.

二者導愚癡者使人佛道 °

nhị giả đạo ngu si giả sử nhập Phật đạo °

Hai là, dẫn dắt người ngu khiến thâm nhập Phật đạo.

三者若有毀敗正法護使不絕 °

tam giả nhược hữu hủy bại chánh Pháp hộ sử bất tuyệt °

Ba là, nếu có người phá hủy chánh pháp liền hộ trì không để đoạn diệt.

四者勸勉諸人教使求佛令堅不動。是為四法。菩薩用是四事故。

tứ giả khuyến miễn chư nhân giáo sử cầu Phật lệnh kiên bất động。thị vi tứ Pháp。Bồ-tát dụng thị tứ sự cố。

Bốn là, khuyến khích mọi người cầu quả vị Phật kiên cố không lay động, Đó là bốn pháp. Bồ-tát do dùng bốn pháp này

不為他人所別離。

佛於是說偈言。

bất vi tha nhân sở biệt ly。

Phật ư thị thuyết kệ ngôn。

mà không chịu cảnh biệt ly với người.

Rồi Phật nói bài kệ rằng:

不傳說鬪彼此

道愚冥護正法

bất truyện thuyết đấu bi thử

đạo ngu minh hộ chánh Pháp

Không nói hai lưỡi gây tranh cãi

Dẫn dắt người ngu, hộ chánh pháp

勸進人使求佛

終無能別離者

khuyến tiến nhân sử cầu Phật

chung vô năng biệt ly giả

Khuyến người tinh tấn cầu quả Phật

Không bao giờ chịu cảnh biệt ly

佛語須摩提。菩薩復有四事法。

Phật ngữ Tu-ma-đề。Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp。

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp.

得化生千葉蓮華中立法王前。何等為四。

đắc hóa sanh thiên diệp liên hoa trung lập Pháp Vương tiền。hà đẳng vi tứ。

Khiến được hóa sanh trong hoa sen ngàn cánh ở trước đấng pháp vương. Thế nào là bốn?

一者細搗紅蓮華青蓮華黃蓮華白蓮華。

nhất giả tế đảo hồng liên hoa thanh liên hoa hoàng liên hoa bạch liên hoa。

Một là, xay nhỏ bốn thứ hoa sen hồng, xanh, vàng, trắng,

合此四種末之如塵。使滿軟妙華。

hợp thử tứ chủng mạt chi như trần。sử mãn nhuễn diệp hoa。

rồi trộn bốn thứ bột này lại

持是供養世尊若塔及舍利。二者不令他人起恚意。

trì thị cung dưỡng Thế tôn nhược tháp cập xá-lợi。nhị giả bất lệnh tha nhân khởi khuể ý。

đem cúng dường tháp xá lợi của đức Thế Tôn. Hai là, không khiến người khác khởi sân giận.

三者作佛形像使坐蓮華上。四者得最正覺便歡喜住。

tam giả tác Phật hình tượng sử tọa liên hoa thượng。tứ giả đắc tối chánh giác tiện hoan hỷ trụ。

Ba là, tạo hình tượng Phật ngồi trên hoa sen. Bốn là đắc quả tối thượng liên hoan hỷ trụ.

是為四法。菩薩用是四事故。

thị vi tứ Pháp。Bồ-tát dụng thị tứ sự cố。

Đó là bốn pháp. Do Bồ-tát dùng bốn pháp này.

常得化生千葉蓮華中立法王前。佛於是說偈言。

thường đắc hóa sanh thiên diệp liên hoa trung lập Pháp Vương tiền。Phật ư thị thuyết kệ ngôn。

Nên thường hóa sanh trong hoa sen ngàn cánh ở trước đấng pháp vương. Rồi Phật nói bài kệ rằng:

施四華滿軟妙

除恚恨受法義

thí tứ hoa mãn nhuễn diệp

trừ khuể hận thọ Pháp nghĩa

Xay mịn hoa sen đủ bốn màu

Lãnh thọ giáo pháp trừ sân giận

得上覺立佛前

作形像生花中

đắc thượng giác lập Phật tiền

tác hình tượng sanh hoa trung

Đắc pháp tối thượng ở trước Phật

Tạo tượng Phật, hóa sanh hoa sen.

佛語須摩提。菩薩復有四事法。得神足。

Phật ngữ Tu-ma-đề。Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp。đắc Thần túc。

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp nên đắc thần túc,
從一佛國復至一佛國。何等為四。

tòng nhất Phật quốc phục chí nhất Phật quốc。hà đẳng vi tứ。

đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Thế nào là bốn?

一者見人作功德不行斷絕。二者見人說法而不中止。

nhất giả kiến nhân tác công đức bất hành đoạn tuyệt。nhị giả kiến nhân thuyết
Pháp nhi bất trung chí。

Một là, thấy người làm việc công đức không ngăn trở Hai là thấy người thuyết
pháp không làm chướng ngại

三者常然燈火於塔寺中。四者求三昧。是為四法。

tam giả thường Nhiên-Đăng hỏa ư tháp tự trung。tứ giả cầu tam-muội。thị vi tứ
Pháp。

Ba là, thường thắp đèn nến trong chùa tháp. Bốn là, cầu quả tam-muội. Đó là bốn
pháp.

菩薩用是四事故。

Bồ-tát dụng thị tứ sự cố。

Do Bồ-tát dùng bốn pháp này

得神足從一佛國至一佛國。佛於是說偈言。

đắc Thần túc tòng nhất Phật quốc chí nhất Phật quốc。Phật ư thị thuyết kệ ngôn。
nên có thần túc đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Rồi Phật nói bài kệ rằng:

行功德為法施

聞經說不中止

hành công đức vi Pháp thí

văn Kinh thuyết bất trung chí

Người làm công đức nên giúp đỡ

thấy người thuyết pháp không ngăn cản

常然燈於佛寺

人三昧遍諸國

thường Nhiên-Đăng ư Phật tự

nhập tam-muội biên chư quốc

Thường thắp đèn trong chùa tháp Phật

Nhập tam-muội dạo chơi các cõi.

佛語須摩提。菩薩復有四事法。

Phật ngữ Tu-ma-đề。Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp。

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp。

得無讎冤無侵嫉者。何等為四。一者於善知識無諛諂心。

đắc vô thù oan vô xâm tạt giả。hà đẳng vi tứ。nhất giả ư thiện tri thức vô du
siểm tâm。

Nên không có người oán thù ganh ghét. Thế nào là bốn? Một là, không dua nịnh đối
với thiện tri thức.

二者不慳貪妬他人物。

nhị giả bất khan tham đồ tha nhân vật。

Hai là, không tham lam tài vật, không ganh ghét người khác。

三者見人布施助其喜。四者見菩薩諸所作為不行誹謗。

tam giả kiến nhân bố thí trợ kỳ hỷ。tứ giả kiến Bồ-tát chư sở tác vi bất hành
phỉ báng。

Ba là, thấy người bố thí hoan hỷ giúp đỡ. Bốn là thấy Bồ-tát làm việc không sanh
phỉ báng。

是為四法。菩薩用是四事故。

thị vi tứ Pháp。Bồ-tát dụng thị tứ sự cố。

Đó là bốn pháp. Do Bồ-tát dùng bốn pháp này。

常行是行得無讎冤無侵嫉者。佛於是說偈言。

thường hành thị hành đắc vô thù oan vô xâm tạt giả。Phật ư thị thuyết kệ ngôn。

Nên không có kẻ oán ghét hay ganh tỵ. Rồi Phật nói bài kệ rằng:

於善友無諛諂

不慳惜他人物

ư thiện hữu vô du siểm

bất khan tích tha nhân vật

Không nịnh hót với thiện tri thức

見人施助其喜

kiến nhân thí trợ kỳ hỉ

Thấy người bố thí vui giúp đỡ

佛語須摩提。菩薩復有四事法。

Phật ngữ Tu-ma-đề。Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp。

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp

其所語言聞者信從踊躍受行。何等為四。

kỳ sở ngữ ngôn văn giả tín tòng dũng dục thọ hành。hà đẳng vi tứ。

khiến nói lời gì cũng được người nghe theo hoan hỷ thực hành。 Thế nào là bốn?

一者口之所說心亦無異。二者於善知識常有至誠。

nhất giả khẩu chi sở thuyết tâm diệc vô dị。nhị giả ư thiện tri thức thường hữu chí thành。

Một là miệng nói tâm nghĩ không khác nhau。 Hai là thường chí thành đối với thiện tri thức。

三者聞人說法心不是非。

tam giả văn nhân thuyết Pháp tâm bất thị phi。

Ba là nghe người thuyết pháp không nói đúng sai

四者若見他人請令說法不求其短。是為四法。菩薩用是四事故。

tứ giả nhược kiến tha nhân thỉnh lệnh thuyết Pháp bất cầu kỳ đoản。thị vi tứ

Pháp。Bồ-tát dụng thị tứ sự cố。

Bốn là thấy người thuyết pháp không nói chớ hay dở của họ。 Đó là bốn pháp。 Do

Bồ-tát dùng bốn pháp này

其所語言聞者信從踊躍受行。

kỳ sở ngữ ngôn văn giả tín tòng dũng dục thọ hành。

nên nói lời gì cũng được người tin thọ, hoan hỷ thực hành。

佛於是說偈言。

Phật ư thị thuyết kệ ngôn。

Rồi Phật nói bài kệ rằng:

如所念言亦爾

như sở niệm ngôn diệc nhĩ

Lời nói tâm nghĩ luôn như nhau

聞講法不求短

văn giảng Pháp bất cầu đoản

Nghe pháp không tìm tòi hay dở

佛語須摩提。菩薩復有四事法。

Phật ngữ Tu-ma-đề。Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp。

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp,

得無殃罪所作善行疾得淨住。何等為四。

đắc vô ương tội sở tác thiện hành tật đắc tịnh trụ。hà đẳng vi tứ。

khiến không có tội khổ và làm việc thiện thì được trụ nơi thanh tịnh。 Thế nào là bốn?

一者心意所念常志於善。二者常持戒三昧智慧。

nhất giả tâm ý sở niệm thường chí ư thiện。nhị giả thường trì giới tam-muội trí tuệ。

Một là, tâm ý thường nghĩ điều lành。 Hai là, thường hành trì giới định tuệ。

三者初發菩薩意便起一切智多所度脫。

tam giả sơ phát Bồ-tát ý tiện khởi nhất thiết trí đa sở độ thoát。

Ba là, đối với Bồ-tát mới phát tâm nên khởi ý đó là bậc Nhất thiết trí độ thoát chúng sanh。

四者常有大慈愍於一切。是為四法。菩薩用是四事故。

Không tham tài vật không bỏn xén

行菩薩無瞞冤

hành Bồ-tát vô thù oan

Không chê Bồ-tát, thì không oán thù。

於善友有至誠

ư thiện hữu hữu chí thành

Có tâm chí thành đối với bạn

若說經心喜踊

nhược thuyết Kinh tâm hỉ dũng

Nghe thuyết kinh nên sanh hoan hỷ

tứ giả thường hữu Đại từ mãn u nhất thiết ° thị vi tứ Pháp ° Bồ-tát dụng thị tứ sự cố °

Bốn là, thường có tâm thương xót đối với tất cả. Đó là bốn pháp. Do Bồ-tát dùng bốn pháp này,

得無殃罪疾得淨住 ° 佛於是說偈言 °

đắc vô ương tội tật đắc tịnh trụ ° Phật u thị thuyết kệ ngôn °

nên không có tội lỗi và nhanh chóng trụ nơi thanh tịnh. Rồi Phật nói bài kệ rằng:

常志善念廣度

thường chí thiện niệm quảng độ

Tâm nghĩ thiện nên nguyện độ khắp

當教人一切智

đương giáo nhân nhất thiết trí

Dạy người cầu quả nhất thiết trí

佛語須摩提 ° 菩薩復有四事法 °

Phật ngữ Tu-ma-đề ° Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp °

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát lại có bốn pháp,

魔不能得其便 ° 何者為四 ° 一者常念於佛 ° 二者常精進 °

ma bất năng đắc kỳ tiện ° hà giả vi tứ ° nhất giả thường niệm u Phật ° nhị giả thường tinh tiến °

khiến ma không thể làm hại. Thế nào là bốn? Một là thường tưởng nhớ Phật. Hai là luôn luôn tinh tấn

三者常念經法 ° 四者常立功德是為四法 °

tam giả thường niệm Kinh Pháp ° tứ giả thường lập công đức thị vi tứ Pháp °

Ba là, thường đọc kinh pháp. Bốn là, thường làm việc công đức. Đó là bốn pháp.

菩薩用是四事故 ° 魔不能得其便 °

Bồ-tát dụng thị tứ sự cố ° ma bất năng đắc kỳ tiện °

Do Bồ-tát dùng bốn pháp này nên ma không thể làm hại.

佛於是說偈言 °

Phật u thị thuyết kệ ngôn °

Phật ở thị nói kệ lời °

Rồi Phật nói bài kệ rằng:

常淨意念於佛

thường tịnh ý niệm u Phật

Ý thanh tịnh thường tưởng nhớ Phật

自勗勉立功德

tự húc miễn lập công đức

Thân siêng năng làm việc công đức

佛語須摩提 ° 菩薩復有四事法 ° 臨壽終時 °

Phật ngữ Tu-ma-đề ° Bồ-tát phục hữu tứ sự Pháp ° lâm thọ chung thời °

Phật bảo Tu-ma-đề: Bồ-tát có bốn pháp nên lúc lâm chung

佛在前立為說經法 ° 令其不墮苦痛之處 °

Phật tại tiền lập vi thuyết Kinh Pháp ° lệnh kỳ bất đọa khổ thống chi xứ °

Có Phật đến trước mặt thuyết kinh pháp khiến không rơi vào đường khổ.

何等為四 ° 一者為一切人故 ° 具滿諸願 °

hà đẳng vi tứ ° nhất giả vi nhất thiết nhân cố ° cụ mãn chư nguyện °

Thế nào là bốn? Một là, làm cho mọi người đầy đủ ý nguyện

二者若人布施諸不足者念欲足之 °

nhị giả nhược nhân bố thí chư bất túc giả niệm dục túc chi °

Hai là, thấy người bố thí không đủ liền làm cho đủ.

三者見人雜施若有短少便裨助之 ° 四者常念供養於三寶 °

戒等定不離慧

giới đẳng định bất ly tuệ

Thường hành trì giới định và tuệ

行慈意得淨住

hành từ ý đắc tịnh trụ

Luôn từ bi trụ nơi thanh tịnh

志精進在深法

chí tinh tấn tại thâm Pháp

Chí tinh tấn nơi pháp thâm sâu

魔用是不得便

ma dụng thị bất đắc tiện

Do vậy ma không thể làm hại

tam giả kiến nhân tạp thí nhược hữu đoàn thiếu tiện bì trợ chi ° tú giả thường niệm cung dưỡng ư Tam Bảo °

Ba là, thấy người bố thí có chỗ thiếu liền giúp đỡ. Bốn là, thường cúng dường ngôi Tam Bảo.

是為四法。菩薩用是四事故。

thị vi tứ Pháp ° Bồ-tát dụng thị tứ sự cố °

Đó là bốn pháp. Bồ-tát do dùng bốn pháp này

臨壽終時即見諸佛。皆在前立為說經法。不令其人墮苦痛處。

lâm thọ chung thời tức kiến chư Phật ° giai tại tiền lập vi thuyết Kinh Pháp ° bất lệnh kỳ nhân đọa khổ thống xử °

nên lúc lâm chung được thấy chư Phật đứng trước mặt thuyết kinh pháp khiến không rơi vào đường ác.

佛於是說偈言。

Phật ư thị thuyết kệ ngôn °

Rồi Phật nói bài kệ rằng:

為一切滿所願

無極哀勸足檀

vi nhất thiết mãn sở nguyện

vô cực ai khuyến túc đàn

Làm cho mọi người được đầy đủ

Đốc lòng khuyến khích người bố thí

以雜施致點慧

供三寶得致佛

dĩ tạp thí trí hiệt tuệ

cung Tam Bảo đắc trí Phật

Dùng các vật cùng với trí tuệ

Cúng dường lên chư Phật Thế tôn.

爾時須摩提白佛言。唯世尊。所說四十事。

nhĩ thời Tu-ma-đề bạch Phật ngôn ° duy Thế tôn ° sở thuyết tứ thập sự °

Bấy giờ Tu-ma-đề bạch Phật rằng: Mong Thế Tôn nói bốn mươi việc ấy,

我當奉行令不缺減。悉使具足不違一事。

ngã đương phụng hành lệnh bất khuyết giảm ° tất sử cụ túc bất vi nhất sự °

con sẽ phụng hành đầy đủ không để thiếu sót, nếu con làm trái một việc,

若失一義我為斷佛劫法減眾弟子。

nhược thất nhất nghĩa ngã vi đoạn Phật kiếp Pháp giảm chúng đệ-tử °

thì cũng như làm mất một kiếp Phật pháp, làm giảm chúng đệ tử.

是時大目犍連。在大會中坐。即問須摩提。此四十事。

thị thời Đại mục kiên liên ° tại Đại hội trung tọa ° túc vấn Tu-ma-đề ° thử tứ thập sự °

bấy giờ ngài Mục Kiên Liên từ trong pháp hội đứng dậy hỏi Tu-ma-đề: bốn mươi việc này

大士所行菩薩所為甚亦難。

Đại sĩ sở hạnh Bồ-tát sở vi thậm diệc nan °

Là việc làm của Bồ-tát rất khó thực hành,

當如汝小女何能辦之。時須摩提答目連言。

đương như nhữ tiểu nữ hà năng辦 chi ° thời Tu-ma-đề đáp mục kiên liên ngôn °

ngươi là người nữ nhỏ tuổi sao có thể làm được? Tu-ma-đề đáp:

假令我今審實能行此四十事者。三千大千國土。

giả lệnh ngã kim thẩm thật năng hành thử tứ thập sự giả ° tam thiên Đại Thiên quốc thổ °

Giả sử nay tôi có thể làm bốn mươi việc này, thì ba ngàn đại thiên cõi nước

皆當為我六反震動。兩於天華諸音樂器不鼓自鳴。

giai đương vi ngã lục phản chấn động ° vũ ư Thiên hoa chư âm lạc khí bất cổ tự minh °

sẽ vì tôi mà chấn động sáu lần, trời rưới mưa hoa, các thứ âm nhạc không đánh mà tự kêu

須摩提。適發是言。應時三千大千國土。

Tu-ma-đề ° thích phát thị ngôn ° ứng thời tam thiên Đại Thiên quốc thổ °

lúc Tu-ma-đề vừa nói lời này thì ba ngàn đại thiên cõi nước
六反震動。即雨天華。樂器皆鳴。女語目連。
lục phản chấn động。tức vũ Thiên hoa。lạc khí giai minh。nữ ngữ mục liên。
liền chấn động sáu lần, trời rưới mưa hoa, âm nhạc tự vang lên. Tu-ma-đề nói với
ngài Mục Liên.
是則證明我之至誠。
thị tắc chứng minh ngã chí chí thành。
Đây là chứng minh cho sự chí thành của con.
若有未來起菩薩意者亦當如是。我後不久亦當如如來無所著等正覺。
nhuộc hữu vị lai khởi Bồ-tát ý giả diệc đương như thị。ngã hậu bất cửu diệc
đương như Như-Lai vô sở trú đẳng chánh giác。
nếu đời sau có người nào phát tâm Bồ-tát thì cũng sẽ như vậy không bao lâu tôi
cũng đắc đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác như đức Phật.
信如我言無有虛者。
tín như ngã ngôn vô hữu hư giả。
người nào tin lời tôi nói không có hư dối
其在眾會皆當一等悉作金色。尋如所語輒作金色。
kỳ tại chúng hội giai đương nhất đẳng tất tác kim sắc。tâm như sở ngữ triếp tác
kim sắc。
thì ở trong hội này sẽ có thân sắc vàng như nhau. Như lời Tu-ma-đề nói, mọi
người đều có thân sắc vàng.
於是目連即從坐起。整衣服下右膝。叉手為佛稽首作禮。
ư thị mục liên tức tùng tọa khởi。chỉnh y phục hạ hữu tất。xoa thủ vi Phật kê
thủ tác lễ。
Bây giờ Mục Liên từ chỗ ngồi đứng dậy trịch áo bày vai hữu quý ngồi chấp
tay cúi đầu làm lễ。
前白佛言。今諸一切初發大意为菩薩者。
tiền bạch Phật ngôn。kim chư nhất thiết sơ phát Đại ý vi Bồ-tát giả。
Bạch Phật rằng: Nay đây những vị mới phát tâm làm Bồ-tát
我當自歸為之作禮。所以者何。八歲女子。
ngã đương tự quy vi chi tác lễ。sở dĩ giả hà。bát tuế nữ tử。
Con sẽ quy y và đánh lễ họ. Tại vì sao? Vì người nữ mới tám tuổi
感應如此。豈況高士摩訶薩乎。
cảm ứng như thử。khởi huống cao sĩ Ma-ha-tát hồ。
mà có cảm ứng như vậy, huống là những bậc cao thượng đức hạnh
是時座中有大菩薩。名文殊師利。謂須摩提言。
thị thời tọa trung hữu Đại Bồ-tát。danh Văn-thù-su-lợi。vị Tu-ma-đề ngôn。
Bây giờ trong hội có vị Bồ-tát tên là Văn-thù-su-lợi hỏi Tu-ma-đề rằng:
於何法住所現感應乃如是乎。須摩提答言。
ư hà Pháp trụ sở hiện cảm ứng nãi như thị hồ。Tu-ma-đề đáp ngôn。
Người trụ nơi pháp nào mà được cảm ứng như vậy. Tu-ma-đề đáp:
諸法不可計數亦無所住。而仁問我住於何法。
chư Pháp bất khả kê số diệc vô sở trụ。nhi nhân vấn ngã trụ ư hà Pháp。
Các pháp không thể tính đếm cũng không có chỗ trụ, mà ngài hỏi tôi trụ nơi pháp
nào
仁作是問不如不問。文殊師利問須摩提言。
nhân tác thị vấn bất như bất vấn。Văn-thù-su-lợi vấn Tu-ma-đề ngôn。
ngài hỏi lời này cũng như không hỏi. Văn-thù-su-lợi hỏi Tu-ma-đề:
此語言何乃致斯乎。須摩提報文殊師利言。
thử ngữ ngôn hà nãi trí tu hồ。Tu-ma-đề báo Văn-thù-su-lợi ngôn。
Lời nói này sao đưa đến như vậy? Tu-ma-đề đáp Văn-thù-su-lợi rằng:
不於諸法有所住。亦無所疑。亦不言是非。

bất u chu Pháp hữu sở trụ ° diệc vô sở nghi ° diệc bất ngôn thị phi °
chẳng ở chu Pháp có trụ ° cũng vô nghi ° cũng chẳng lời thị phi °

Ở nơi các pháp không có chỗ trụ, không có chỗ nghi ngờ, cũng không nói đúng sai
文殊師利問須摩提言。如來本不作行乎。

Văn-thù-su-lợi vẫn Tu-ma-đề ngôn ° Như-Lai bản bất tác hành hồ °

Văn-thù-su-lợi hỏi Tu-ma-đề: Như Lai xưa kia có thực hành các việc chẳng?

須摩提報言。譬如月影現於水中。

Tu-ma-đề báo ngôn ° thí như nguyệt ảnh hiện u thủy trung °

Tu-ma-đề đáp: Thí như bóng trăng hiện ở trong nước,

若夢野馬深山之響。如來本行亦如是也。文殊師利問須摩提。

nhược mộng dã mã thâm sơn chi hưởng ° Như-Lai bản hành diệc như thị dã ° Văn-thù-
su-lợi vẫn Tu-ma-đề °

như nằm mộng, như tiếng vang trong núi sâu, Như Lai thực hành các việc cũng như
vậy. Văn-thù-su-lợi hỏi Tu-ma-đề:

如仁所說合會是事為能得佛不。

như nhân sở thuyết hợp hội thị sự vi năng đắc Phật bất °

Như lời người nói hợp các việc này thì có thể thành Phật không?

須摩提報言。云何仁者謂癡黠行三事異乎。不為異也。

Tu-ma-đề báo ngôn ° vân hà nhân giả vị si hiệt hành tam sự dị hồ ° bất vi dị dã °

Tu-ma-đề đáp: Tại sao ngài cho rằng ba việc đó có khác hay là không khác?

一切諸法皆合。所以者何。若正法若不正法。

nhất thiết chu Pháp giai hợp, sở dĩ giả hà ° nhược chánh Pháp nhược bất chánh
Pháp

tất cả pháp đều là hợp, tại vì sao? Hoặc chánh pháp hoặc không phải chánh pháp,
適無所住亦無所取。亦無所放空無有色。

thích vô sở trụ diệc vô sở thủ ° diệc vô sở phóng không vô hữu sắc °

đều không có chỗ trụ, không có chỗ lấy cũng không có chỗ xả, là trống không,
không có sắc.

文殊師利復問須摩提。解是義者為有幾人。

Văn-thù-su-lợi phục vấn Tu-ma-đề ° giải thị nghĩa giả vi hữu ki nhân °

Văn-thù-su-lợi hỏi Tu-ma-đề: Có bao nhiêu người hiểu ý nghĩa này?

須摩提報言。夫作幻者恣意所化寧有限無。

Tu-ma-đề báo ngôn ° phu tác huyễn giả tứ ý sở hóa ninh hữu hạn vô °

Tu-ma-đề đáp: Luận rằng nhà ảo thuật thì tùy ý hiện không có hạn lượng,

幻師所化猶尚無限。信解此法亦如是也。

huyễn sư sở hóa do thượng vô hạn ° tín giải thủ Pháp diệc như thị dã °

chỗ hóa hiện ấy là vô hạn, người tin hiểu pháp này cũng lại như vậy.

文殊師利問須摩提言。

Văn-thù-su-lợi vẫn Tu-ma-đề ngôn °

Văn-thù-su-lợi hỏi Tu-ma-đề rằng:

如我無化無幻起行何法而與道合。須摩提報言。

như ngã vô hóa vô huyễn khởi hành hà Pháp nhi dĩ đạo hợp ° Tu-ma-đề báo ngôn °

Như tôi không hóa không hiện mà khởi hạnh thì pháp nào hợp với đạo? Tu-ma-đề
đáp:

如仁所說致為大快。一切法處亦不有。亦不不有。

như nhân sở thuyết trí vi Đại khoái ° nhất thiết Pháp xứ diệc bất hữu ° diệc bất
bất hữu °

Như lời ngài nói rất là vui sướng, tất cả pháp xứ đều không có, cũng không phải
không có,

至於如來無合無散。文殊師利聞彼所說甚悅讚善。

chí u Như-Lai vô hợp vô tán ° Văn-thù-su-lợi vẫn bi sở thuyết thậm duyệt tán
thiện °

đến như Như Lai cũng không hợp không tan hoại. Văn-thù-sư-lợi nghe lời Tu-ma-đề nói thì rất hoan hỷ tán than:

文殊師利白佛言。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn。

Văn-Thù-Sư-Lợi bạch Phật rằng:

甚善須摩提所說微妙大可怪也。乃能深入逮得法忍。

thậm thiện Tu-ma-đề sở thuyết vi diệu Đại khả quái dã。nãi năng thâm nhập đãi đắc Pháp nhẫn。

Lành thay!lời Tu-ma-đề nói là vi diệu lạ lùng, mới có thể thâm nhập và mau đắc pháp nhẫn

發意已來為幾何乎。佛語文殊師利。是須摩提。

phát ý dĩ lai vi ki hà hồ。Phật ngữ Văn-thù-sư-lợi。thị Tu-ma-đề。

từ khi Tu-ma-đề phát tâm đến nay là bao nhiêu? Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Tu-ma-đề發無上平等度意等住已來。積不可計。

phát vô thượng bình đẳng độ ý đẳng trụ dĩ lai。tích bất khả kể。

từ khi phát tâm vô thượng bình đẳng đến nay thì không thể tính đếm,

先仁之前三十億劫。仁乃於彼發無上正等度意。

tiên nhân chi tiền tam thập ức kiếp。nhân nãi ư bi phát Vô Thượng Chánh Đẳng độ ý。

trước đây ba mươi kiếp, ông chính là ở nơi Tu-ma-đề mà phát tâm vô thượng bình đẳng,

適甫乃入無所從生法忍。是仁本造發意時師。

thích phủ nãi nhập vô sở tông sanh Pháp nhẫn。thị nhân bản tạo phát ý thời sư。

mới thâm nhập pháp nhẫn không do đâu sanh, Tu-ma-đề vốn là thầy để ông phát tâm 文殊師利聞佛所說則前作禮。白須摩提言。

Văn-thù-sư-lợi văn Phật sở thuyết tác tiền tác lễ。bạch Tu-ma-đề ngôn。

Văn-thù-sư-lợi nghe Phật dạy liền đến trước Tu-ma-đề làm lễ thưa rằng:

唯別久遠今乃講侍。與師相見得受法誨。

duy biệt cửu viễn kim nãi giảng thị。dữ sư tương kiến đắc thọ Pháp hồi。

cách biệt đã lâu nay mới được gặp Thầy và lãnh thọ pháp yếu。

須摩提報言。莫作是念用何等故。無所從生法忍。

Tu-ma-đề báo ngôn。mạc tác thị niệm dụng hà đẳng cố。vô sở tông sanh Pháp nhẫn。

Tu-ma-đề nói: Ngài chớ nghĩ như vậy, pháp nhẫn là không từ đâu sanh。

亦無所念亦無有師。文殊師利問言。

diệc vô sở niệm diệc vô hữu sư。Văn-thù-sư-lợi văn ngôn。

cũng không có chỗ niệm, cũng không có Thầy Văn-thù-sư-lợi hỏi:

云何不轉女人有。須摩提報言。於是無所得。

vân hà bất chuyển nữ nhân hữu。Tu-ma-đề báo ngôn。ư thị vô sở đắc。

Tại sao không chuyển thân người nữ? Tu-ma-đề đáp: ở đó không có chỗ đắc,

所以者何。法無男無女。今者我當斷仁所疑。

sở dĩ giả hà。Pháp vô nam vô nữ。kim giả ngã đương đoạn nhân sở nghi。

Tại vì sao? Pháp vốn không nam không nữ. Nay tôi sẽ đoạn trừ nghi ngờ cho ông。

文殊師利言。善哉樂欲聞之。須摩提謂文殊師利言。

Văn-thù-sư-lợi ngôn。Thiện tai lạc dục văn chi。Tu-ma-đề vị Văn-thù-sư-lợi ngôn。

Văn-thù-sư-lợi nói: Lành thay! Tôi ưa muốn nghe. Tu-ma-đề nói với Văn-thù-sư-lợi rằng:

如今我後亦當逮如來無所著等正覺成慧

như kim ngã hậu diệc đương đãi Như-Lai vô sở trú đẳng chánh giác thành tuệ

Như tôi sau này cũng thành bậc Như Lai vô sở trước Đẳng Chánh Giác, thành tựu trí tuệ,

行安定世間父無上士道法御天人師佛天中

hành an định thể gian phụ Vô-thượng-Sĩ đạo Pháp ngự Thiên Nhơn Sư Phật Thiên trung

chỗ làm an trụ nơi định, là bậc cha lành của thể gian, là đấng Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên, Nhơn, Sư, Phật, Thế Tôn.

天。如是審諦。我今便當變為男子。

Thiên。như thị thâm đế。ngã kim tiện đương biến vi nam tử。

Như vậy xét kỹ, nay tôi sẽ biến thành người nam,

適作是語。便成男子。頭髮即墮袈裟著身。

thích tác thị ngữ。tiện thành nam tử。đầu phát tức đọa ca sa trú thân。

Tu-ma-đề vừa nói lời này liền thành người nam, râu tóc rụng xuống thân đắp ca sa
便為沙彌。須摩提復謂文殊師利言。

tiện vi sa di。Tu-ma-đề phục vị Văn-thù-sư-lợi ngôn。

thành vị Sa di。Tu-ma-đề nói với Văn-thù-sư-lợi rằng:

審我來世當作佛時。使我國中莫有三事。何等為三。

thẩm ngã lai thế đương tác Phật thời。 sử ngã quốc trung mạc hữu tam sự。 hà đẳng vi tam。

Đời sau lúc tôi thành Phật, thì trong nước tôi không có ba việc. thế nào là ba?

一者魔事。二者地獄。三者女人態。

nhất giả ma sự。 nhị giả Địa-ngục。 tam giả nữ nhân thái。

Một là, không có việc ma. Hai là, không có địa ngục. Ba là, không có thái độ như người nữ.

若我至誠我身當如年三十沙門。時須摩提。適作是語。

nhược ngã chí thành ngã thân đương như niên tam thập Sa Môn。 thời Tu-ma-

đề。 thích tác thị ngữ。

Nếu lời nói của tôi chí thành thì thân tôi như vị Sa môn ba mươi tuổi. Lúc Tu-ma-đề vừa nói lời này,

形體顏色如年三十。時須摩提謂文殊師利言。

hình thể nhan sắc như niên tam thập。 thời Tu-ma-đề vị Văn-thù-sư-lợi ngôn。

thì hình thể nhan sắc như người ba mươi tuổi. Tu-ma-đề nói với Văn-thù-sư-lợi rằng:

我作佛時令我國人皆作金色。

ngã tác Phật thời lệnh ngã quốc nhân giai tác kim sắc。

Lúc tôi thành Phật thì người trong nước tôi đều có thân sắc vàng,

城郭及地周匝七寶。有七寶樹令八種行。

thành quách cập địa châu tạp thất bảo。 hữu thất bảo thụ lệnh bát chủng hành。

thành quách và đất đều có bảy báu bao quanh, có tám lớp hàng cây bảy báu,

七寶池水四邊中外。皆生七寶雜色蓮華。及諸雜寶。

thất bảo trì thủy tứ biên trung ngoại。 giai sanh thất bảo tạp sắc liên hoa。 cập chư tạp bảo。

trong ngoài bốn bên đều có ao sen bảy báu, trong ao sanh ra các hoa sen bảy báu đủ màu sắc. Các thứ báu ấy

不多不少皆悉停等。須摩提言。如仁之國我之刹土。

bất đa bất thiểu giai tất đình đẳng。 Tu-ma-đề ngôn。 như nhân chi quốc ngã chi sát độ。

đều như nhau không nhiều không ít. Tu-ma-đề lại nói: Như cõi nước trang nghiêm của ngài, cõi nước của tôi

亦當如是。如我至誠者。今在會者當作金色。

diệc đương như thị。 như ngã chí thành giả。 kim tại hội giả đương tác kim sắc。

cũng sẽ như vậy. Nếu lời tôi nói là chí thành, thì những người trong hội đây sẽ có thân sắc vàng.

適作是語應時眾座皆作金色。

thích tác thị ngữ ứng thời chúng tọa giai tác kim sắc。

Tu-ma-đề vừa nói xong thì mọi người trong hội chúng đều có thân sắc vàng.

時持地神即從地出。化作天身舉聲稱揚。歎須摩提三言。

thời trì địa Thần tức tòng địa xuất。hóa tác Thiên thân cử thanh xung
duong。thán Tu-ma-đề tam ngôn。

Bảy giờ thần Trì Địa từ đất vọt lên hóa làm thân Chu Thiên rồi cất tiếng khen
ngợi Tu-ma-đề ba lần rằng:

摩訶須摩提菩薩摩訶薩得作佛時。

Ma-Ha BỒ-tát Tu-ma-đề Ma-ha-tát đắc tác Phật thời。

Ma-ha BỒ-tát Tu-ma-đề Ma-ha-tát, lúc ngài thành Phật

國土所有七寶池水樹及華實。皆當如是。

quốc thổ sở hữu thất bảo trì thủy thụ cập hoa thật。giai đương như thị。

Thì trong cõi nước có ao bảy báu, hàng cây và hoa trái cũng lại như vậy。

於是佛謂文殊師利。是須摩提菩薩摩訶薩。

ư thị Phật vị Văn-thù-su-lợi。thị BỒ-tát Tu-ma-đề Ma-ha-tát。

Bảy giờ Phật bảo Văn-thù-su-lợi: BỒ-tát Tu-ma-đề Ma-ha-tát

不久當得佛。

bất cửu đương đắc Phật。

Không bao lâu sẽ thành Phật

號寶德合吉祥如來無所著等正覺成慧行安定世間父無上士道法御天人師佛天

hiệu Bảo Đức hợp cát tường Như-Lai vô sở trú đẳng chánh giác thành tuệ hành an

định thể gian phụ Vô-thượng-Sĩ đạo Pháp ngự Thiên Nhơn Sư Phật Thiên

hiệu là Giác Đức Hợp Các Tường Như Lai Vô Sở Trú Trước Đẳng Chánh Giác, thành tựu

trí huệ, an trú trong định, là bậc Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên,
Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

中天。佛說是經。授須摩提蒞時。

trung Thiên。Phật thuyết thị Kinh。thụ Tu-ma-đề 蒞 thời。

Lúc Phật thuyết kinh Tu-ma-đề rồi

三十億人。發無上平等度意者。皆得立不退轉。

tam thập ức nhân。phát vô thượng bình đẳng độ ý giả。giai đắc lập bất thối
chuyển。

có ba mươi ức người phát tâm Vô Thượng Đẳng Giác, được địa vị bất thối

六萬天子悉得諸法眼生。座中有五百菩薩。

lục vạn Thiên tử tất đắc chư Pháp Pháp nhãn sanh。tọa trung hữu ngũ bách BỒ-
tát。

có sáu vạn thiên tử đắc pháp nhãn tịnh. Trong hội có năm trăm vị BỒ-tát

聞文殊師利所言甚深。意用不解中欲墮落。

văn Văn-thù-su-lợi sở ngôn thậm thâm。ý dụng bất giải trung dục đọa lạc。

nghe Văn-thù-su-lợi nói ý nghĩa thâm sâu, trong ý không hiểu nên muốn thối lui,
見須摩提所說真誠尋皆有應。

kiến Tu-ma-đề sở thuyết chân thành tâm giai hữu ứng。

nhưng nghe Tu-ma-đề thuyết giảng chân thành thì có sự cảm ứng,

即解身衣以用上佛。亦不諛諂無所希望。

tức giải thân y dĩ dụng thượng Phật。diệc bất du siểm vô sở hy vọng。

tất cả đều lấy y trên thân mình mà dâng lên Đức Phật nhưng không có tâm mong cầu
hay đua nịnh,

持是功德用自堅固。於無上平等度意。即得住不退轉地。

trì thị công đức dụng tự kiên cố。ư vô thượng bình đẳng độ ý。tức đắc trụ bất
thối chuyển địa。

đem công đức này và tâm kiên cố hồi hướng lên đạo Vô Thượng Đẳng Giác, tức được
trụ nơi địa vị bất thối chuyển,

超九十劫。不復生死。時佛授與五百人決。

siêu cửu thập kiếp。bất phục sanh tử。thời Phật thụ dữ ngũ bách nhân quyết。

qua chín mươi kiếp không còn chịu sanh tử nữa. Bấy giờ Phật thọ ký cho năm trăm vị ấy rằng:

却後十劫。劫名無塵垢。

khước hậu thập kiếp。kiếp danh vô trần cấu。

Về đời sau qua mười kiếp, có kiếp số tên là Vô Trần Cấu,

佛號固受如來無所著等正覺。是五百人等當生彼國。國名焰氣。

Phật hiệu cố thọ Như-Lai vô sở trú đẳng chánh giác。thị ngũ bách nhân đẳng đương sanh bỉ quốc。quốc danh diệm khí。

cõi nước tên là Diệm Khí, Phật hiệu là Cố Thọ Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, năm trăm người này sẽ sanh về nước ấy,

當同一劫。俱得作佛。皆同一字。

đương đồng nhất kiếp。câu đắc tác Phật。giai đồng nhất tự。

cùng trong một kiếp sẽ đắc quả Phật, đều đồng một tên,

號莊飾預知人意如來無所著等正覺。佛謂文殊師利。

hiệu trang sức dự tri nhân ý Như-Lai vô sở trú đẳng chánh giác。Phật vị Văn-thù-su-lợi。

hiệu là Trang Sức Dự Tri Nhơn Ý Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Phật bảo Văn-thù-su-lợi:

乃如是經多所饒益。如是不乎。

nãi như thị Kinh đa sở nhiều ích。như thị bất hồ。

Kinh này có nhiều sự lợi ích như thế.

若今最後有菩薩摩訶薩及沙門若善男子善女人等。

nhược kim tối hậu hữu Bồ-tát Ma-ha-tát cập Sa Môn nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân đẳng。

Từ nay về sau nếu có Bồ-tát Ma-ha-tát, Sa Môn, thiện nam tử thiện nữ nhơn

求菩薩道奉行六度無極。未曉善權方便。

cầu Bồ-tát đạo phụng hành lục độ vô cực。vị hiểu thiện quyền phương tiện。

cầu đạo Bồ-tát mà thực hành sáu pháp ba-la-mật, nhưng chưa hiểu phương tiện khéo léo,

不如書持是經諷誦讀轉。復教人常念其中事。

bất như thư trì thị Kinh phúng tụng đọc chuyển。phục giáo nhân thường niệm kỳ trung sự。

thì không bằng biên chép thọ trì đọc tụng kinh này, lại dạy người khác thường nhớ nghĩ các việc trong kinh,

諸欲聞者廣為解說。佛復語文殊師利。

chư dục văn giả quảng vi giải thuyết。Phật phục ngữ Văn-thù-su-lợi。

có người muốn nghe thì vì họ mà diễn thuyết. Phật lại bảo Văn-thù-su-lợi:

前所不聞本所不行。如是輩菩薩者當念習持。

tiền sở bất văn bản sở bất hành。như thị bối Bồ-tát giả đương niệm tập trì。

Có hàng Bồ-tát trước đây chưa nghe pháp chưa thực hành, thì nay phải nhớ nghĩ phụng trì .

所以者何。譬如轉輪聖王治於世間。

sở dĩ giả hà。thí như Chuyển luân Thánh Vương trị u thế gian。

Tại vì sao?Thí như vua Chuyển Luân cai trị ở thế gian

當時至竟七寶不為缺減。其王壽終七寶為散。

đương thời chí cánh thất bảo bất vi khuyết giảm。kỳ Vương thọ chung thất bảo vi tán。

luôn đầy đủ bảy báu không thiếu sót, đến khi vua mạng chung thì bảy báu cũng diệt mất.

如是文殊師利。

như thị Văn-thù-su-lợi。

Như vậy Văn-thù-su-lợi

若佛經道住於世間者佛七覺意終不為滅。若佛法滅覺意諸法皆為之盡。
nhược Phật kinh đạo trụ ở thế gian giả Phật thất giác ý chung bất vi diệt。nhược
Phật Pháp diệt giác ý chư Pháp giai vi chi tận。

Nếu kinh Phật lưu hành ở thế gian thì đạo thất giác ý không bị tổn giảm. Nếu
Phật Pháp diệt thì thất giác ý cũng diệt mất.

佛謂文殊師利。當求無數方便。

Phật vị Văn-thù-su-lợi。đương cầu vô số phương tiện。

Phật bảo Văn-thù-su-lợi: Phải tìm cầu vô số phương tiện,
具索諸經勤學書持。為他人說教授一切。廣解其義常當精進。

cụ tác chư Kinh tinh cần học thư trì。vi tha nhân thuyết giáo thọ nhất
thiết。quảng giải kỳ nghĩa thường đương tinh tấn。

tìm đủ các kinh rồi khuyên người biên chép thọ trì, vì người mà giải thích rộng
ý nghĩa, thường phải tinh tấn,

是為法教。若善男子善女人。

thị vi Pháp giáo。nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân。

đó là lời dạy của giáo pháp. Nếu thiện nam tử thiện nữ nhơn

欲求道者莫中有悔。佛說經已。須摩提菩薩。文殊師利菩薩。

dục cầu đạo giả mạc trung hữu hối。Phật thuyết Kinh dĩ。Bồ-tát Tu-ma-đề。Bồ-tát
Văn-thù-su-lợi。

muốn cầu đạo quả thì không nên hối hận giữa chừng. Lúc Phật nói kinh này xong
thì Bồ-tát Tu-ma-đề, Bồ-tát Văn-thù-su-lợi,

大目犍連等諸天及人。其在會者。

Đại mục kiên liên đẳng chư Thiên cập nhân。kỳ tại hội giả。

Đại Mục Kiên Liên, chư thiên, loài người trong đại hội,

阿修羅撻查和持世者。皆歡喜樂聞。

A-tu-La kiên đạp hòa trì thế giả。giai hoan hi lạc văn。

A-tu-la, Kiên-đạp-hòa... đều hoan hỷ phụng hành.

佛說須摩提菩薩經

Phật thuyết Bồ-tát Tu-ma-đề Kinh

Phật Thuyết Kinh Bồ-tát Tu-ma-đề.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21: 50: 23 2006

=====